**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NGỮ VĂN LỚP 9 - HỌC KÌ II**

**TUẦN 27 (27/4 – 2/5/20)**

**VĂN BẢN**

**RÔ – BIN – XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG**

**(Trích Rô – bin – xơn Cru – Xô)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=N8oSD93-snQ>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Giới thiệu chung**

***1. Tác giả***

***2. Tác phẩm (SGK)***

***- Xuất xứ:***

***- Thể loại:***

***- Bố cục***

- Cảm giác chung khi tự ngắm chính bản thân mình (từ đầu đến “như dưới đây”)

- Trang phục của Rô (từ “Tôi đội … áo quần của tôi”)

- Trang bị của Rô – bin - xơn(từ “Quanh người tôi … của tôi”).

- Diện mạo của Rô - bin – xơn (từ “Còn về diện mạo … nước Anh”).

**II. Tìm hiểu văn bản**

**1. Diện mạo của Rô - bin – xơn**

- Được miêu tả sau cùng, khác với cách miêu tả thông thường.

- Chỉ đặc tả bộ ria mép mà không miêu tả về những bộ phận khác trên gương mặt như mắt, mũi, miệng, tóc.

→ Do phương thức tự sự ở ngôi thứ nhất chỉ kể những gì mình thấy.

***2. Cuộc sống gian nan sau bức chân dung***

- Một mình chống chọi với thời tiết khắc nghiệt.

- Không còn quần áo nên phải dùng da dê làm trang phục.

→ Nhờ có nghị lực, trí thông minh và đầu óc thực tế, có quyết tâm cao đã giúp chàng vượt qua những gian nan.

***3. Tinh thần của Rô – bin – xơn ngoài đảo hoang***

- Trong cuộc sống: tự trồng trọt, chăn nuôi, dựng nhà, chế tạo trang phục, thích nghi với hoàn cảnh.

- Trong suy nghĩ: toát lên sự yêu đời lạc quan qua việc nhận xét về bộ dạng của mình bằng một giọng kể rất hài hước càng thể hiện tinh thần lạc quan của chàng.

\* Rút ra bài học: Con người sống phải có nghị lực, phấn đấu để cuộc sống ngày càng tốt hơn, đừng nên để thiên nhiên khuất phục mà cần phải khuất phục thiên nhiên.

**III. Tổng kết**

***1). Nghệ thuật***

- Sáng tạo trong việc lựa chọn ngôi kể và nhân vật kể chuyện.

- Lựa chọn ngôn ngữ kể tự nhiên, hài hước.

***2. Nội dung*** (ghi nhớ, học thuộc, sách giáo khoa, trang 130)

**III. Luyện tập**

Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Rô – bin – xơn.

**VĂN BẢN**

**CON CHÓ BẤC (Trích “Tiếng gọi nơi hoang dã”)**

**(Giắc Lân – đơn)**

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Giới thiệu chung**

***1. Tác giả***

***2. Tác phẩm***

***- Xuất xứ:***

***- Thể loại:***

***- Bố cục văn bản và ý đồ của tác giả (SGK)***

- “Tình yêu thương” đến “dậy lên được”→ Phần mở đầu.

- “Con người này” đến “hầu như biết nòi đấy” → Tình cảm của Thoóc - tơn đối với Bấc.

- Phần còn lại → Tình cảm của Bấc đối với Thoóc – tơn.

**II. Tìm hiểu văn bản**

***1. Tình cảm của Thoóc – tơn đối với chó Bấc***

- Trong ý nghĩ và tình cảm anh xem Bấc như là đồng loại, là bạn bècủa mình.

-Tình yêu của Thoóc-tơn đối với Bấc còn thể hiện ở lòng nhân từ và thái độ yêu thương loài vật.

***2. Những biểu hiện tình cảm của con chó Bấc***

 Sự ngưỡng mộ, thành kính, yêu thương của Bấc đối với chủ. Qua đó thể hiện tài quan sát tinh tế của nhà văn khi khắc hoạ những con chó mà đặc biệt là Bấc.

***3. “Tâm hồn” của con chó Bấc***

- Tâm hồn của Bấc rất phong phú

+ Biết vui mừng và lo sợ.

+ Biết suy nghĩ.

+ Hiện lên trong những giấc mơ.

→ Thể hiện trí tưởng tượng tuyệt vời và lòng yêu thương loài vật sâu sắc của nhà văn.

**III. Tổng kết**

***1. Nghệ thuật***

Trí tưởng tượng tuyệt vời, tài quan sát, nghệ thuật nhân hoá của nhà văn.

***2. Nội dung***

**III. Luyện tập**

Qua câu chuyện con chó Bấc và ông chủ Thoóc-tơn, em có thể rút ra cho bản thân tình cảm và cách ứng xử như thế nào đối với những con vật nuôi trong nhà./.

**TIẾNG VIỆT**

**TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP**

**Nội dung (A) và (D) các em tự học:**

**Sau đây là nội dung kiến thức cần nhớ:**

**B.CỤM TỪ**

**Bài tập 1**

1. Phần trung tâm của cụm danh từ in đậm : ảnh hưởng, nhân cách, lối sống

Các dấu hiệu là những lượng từ đứng trước: những, một, một

1. Phần trung tâm của cụm danh từ in đậm: ngày ( khởi nghĩa)

Dấu hiệu là : những

1. Phần trung tâm của cụm danh từ in đậm : tiếng ( cười nói)

Dấu hiệu có thể thêm “ những”vào trước

**Bài tập 2**

1. Phần trung tâm của cụm từ in đậm : đến, chạy, ôm

Dấu hiệu là : đã, sẽ, sẽ

1. Phần trung tâm của cụm từ in đậm : lên

Dấu hiệu là : vừa

**Bài tập 3**

1. Phần trung tâm của cụm từ in đậm : Việt Nam, bình dị,Việt Nam, phương Đông, mới , hiện đại.

Dấu hiệu là : rất

1. Phần trung tâm của cụm từ in đậm : êm ả

Dấu hiệu là có thể thêm từ “ rất” vào trước

1. Phần trung tâm của cụm từ in đậm : phức tạp, phong phú, sâu sắc

Dấu hiệu là có thể thêm từ “ rất” vào trước

**C. THÀNH PHẦN CÂU**

**I. Thành phần chính và thành phần phụ**

***1) a.Thành phần chính và các dấu hiệu nhận biết***

- Thành phần chính là thành phần bắt buộc phải có mặt để các câu có sự hoàn chỉnh và diễn đạt đước ý trọn vẹn.

- Chủ ngữ nêu tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, đặc điểm, trạng thái … được miêu tả ở vị ngữ **: *Ai? Con gì? Cái gì?***

- Vị ngữ + các phó từ chỉ quan hệ thời gian và trả lời cho câu hỏi: ***là gì?******Làm gì? Làm sao? Như thế nào?***

***b. Thành phần phụ và các dấu hiệu nhận biết***

- Trạng ngữ: đứng ở đầu, giữa/cuối câu nêu lên hoàn cảnh về *không gian, thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích* …diễn ra sự việc trong câu.

- Khởi ngữ: thường đứng trước chủ ngữ nêu đề tài của câu nói, có thể + quan hệ từ: *về, đối với* vào trứơc.

 **2. Phân tích thành phần câu**

 a) Đôi càng tôi/ mẫm bóng.

 *Cn Vn*

1. Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ //

*Trạng ngữ Cn*

đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp ***.*** *Vn*

1. Còn tấm gương bằng thuỷ tinh tráng bạc, nó //vẫn là người bạn trung thực …ác.

  *khởi ngữ Cn Vn*

**II.** **Thành phần biệt lập**

***1) Thành phần biệt lập và dấu hiệu nhận biết***

-*Tình thái*: thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

- *Cảm thán:* bộc lộ tâm lý của người nói.

- *Gọi-đáp*: tạo lập ,duy trì quan hệ giao tiếp.

**-** *Phụ chú*: bổ sung một số chi tiết trong nội dung chính của câu ⭢ không tham gia trực tiếp vào sự việc được nói đến trong câu.

- Dấu hiệu nhận biết : không trực tiếp tham gia vào vào sự việc được nói đến trong ***câu***

***2)Xác định thành phần câu***

a) *Có lẽ*: tình thái

b) *Ngẫm ra* : tình thái

c) *Dừa xiêm thấp lè tè, quả tròn …vỏ hồng*: phụ chú.

d) *Bẩm***:** gọi-đáp; *Có khi:* tình thái.

e) *Ơi:* gọi đáp.

**TẬP LÀM VĂN**

**BIÊN BẢN**

**I. Đặc điểm của biên bản**

**1. Ví dụ** (hai biên bản trong sách giáo khoa trang 124,125)

- Văn bản 1: Biên bản sinh hoạt chi đội

- Văn bản 2: Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm …

**2. Mục đích:**

- Biên bản 1: ghi lại nội dung , sự việc đang diễn ra cuộc họp chi đội.

- Biên bản 2: ghi lại nội dung, sự việc trao trả giấy tờ, phương tiện cho người vi phạm sau khi đã xử lí.

**3. Những yêu cầu cần có của một biên bản**

***a. Nội dung:***

+ Số liệu, sự kiện phải chính xác cụ thể (nếu có tang vật, chứng cứ, … có liên quan cần phải đính kèm)

+ Ghi chép trung thực, không suy diễn.

+ Thủ tục chặt chẽ (thời gian, địa điểm cụ thể)

***b. Hình thức:***

+ Viết đúng mẫu quy định.

+ Lời văn phải rõ ràng, ngắn gọn, không sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, không cần các yếu tố biểu cảm.

**4. Một số biên bản thường gặp**

- Biên bản bàn giao công tác.

- Biên bản Đại hội chi đoàn

- Biên bản vi phạm luật giao thông

**5. Sự khác nhau giữa hai kiểu biên bản**

- Biên bản 1: Biên bản hội nghị

- Biên bản 2: Biên bản sự vụ.

**6. Ghi nhớ 1,2** (học thuộc, sách giáo khoa, trang 126)

**II. Cách viết biên bản gồm ba phần: (xem và học thuộc phần ghi nhớ 3, 4 , SGK/126)**

**VĂN BẢN**

**BỐ CỦA XI MÔNG**

**(G. Mô – pa – xăng)**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

Web: <https://www.youtube.com/watch?v=i8BcC5y6Ejk>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả:***

- Guy đơ Mô pa xăng (1850-1893) là nhà văn Pháp.

- Các tác phẩm của ông phản ánh sâu sắc nhiều phương diện của xã hội Pháp nửa cuối thế kỉ XIX.

***2. Tác phẩm***

* Thể loại : truyện ngắn.
* Bố cục : 4 phần

**+** *Nỗi tuyệt vọng của Xi-mông.*

*+ Xi-mông gặp bác Phi-lip.*

*+ Bác Phi-lip đưa Xi-mông về nhà và bảo cho em một ông bố.*

*+ Ngày hôm sau ở trường.*

* Tóm tắt: hs tự làm

**II. Tìm hiểu văn bản**

1). **Nhân vật Xi-mông**

a) Đau đớn, tuyệt vọng vì không có bố

- Bạn trêu chọc vì không có bố, Xi Mông buồn bả, bỏ nhà ra bờ sông với ý định tự tử.

- Vì khóc nhiều nên em cảm giác uể oải, buồn bã vô cùng, chẳng nhìn thấy gì và chẳng nghĩ gì

- Lúc gặp bác Phi líp hỏi thăm, em đã nói năng ấp úng, ngắt quãng, không nên lời.

b. Kiêu hãnh, tự tin khi được bác Philip nhận làm bố.

- Em hết cả buồn

- Hôm sau đến trường bị bạn bè trêu chọc em đã đưa con mắt thách thức lũ bạn, không sợ hãi và chạy trốn như trước.

🢥 Là đứa trẻ có cá tính nhút nhát, song rất có nghị lực.Em khao khát có một mái ấm gia đình ở đó có cha, có mẹ.

2) **Nhân vật Blăng-sốt**

- Chị sống trong một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ. Tuy nghèo nhưng chị sống đứng đắn, nghiêm túc.

- Thái độ của chị đối với khách: *đứng nghiêm nghị … như muốn cấm đàn ông bước qua ngưỡng cửa…*

- Nỗi lòng với chị

+ Tái tê đến tận xương tủy, nước mắt lã chã tuôn rơi

+ Lặng ngắt và quằn quại vì hổ thẹn

+ Đau lòng khi con nói bị bạn đánh vì không có bố.

🢥 Ngươi thiếu phụ xinh đẹp, đức hạnh.

3. **Nhân vật Phi-lip**

- Khi gặp Xi mông , có niềm cảm thông sâu xa với đứa trẻ không có bố: Đặt tay lên vai em, ôn tồn hỏi, nhìn em nhân hậu

- Trên đường đưa Xi mông về bác có ý nghĩ có thể đùa cợt với Blăng-sốt.

- Ý nghĩ không còn khi gặp Blăng - sốt. Hiểu ra chị là người tốt

- Hiểu và thương hoàn cảnh của Xi Mông nên bác đã đồng ý làm bố của Xi-mông.

🢥Là người nhân hậu, giàu tình thương, đã cứu sống Xi mông, nhận làm bố của em, đem lại cho em niềm vui.

***III. Tổng kết***

1. ***Nghệ thuật***

Miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật sắc nét.

***Nội dung (xem ghi nhớ, SGK)***

**VĂN BẢN**

**ÔN TẬP VỀ TRUYỆN**

**Sau đây là kiến thức cần nhớ:**

**1. Lập bảng thống kê tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học trong sách giáo khoa Ngữ Văn 9 (cả hai tập) theo mẫu.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tác phẩm** | **Tác giả** | **Năm sáng tác** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | Làng | Kim Lân | 1948 | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân. |
| 2 | Lặng lẽ SaPa | Nguyễn Thành Long | 1970 | Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông họa sĩ, cô kĩ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại trạmkhí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó, truyện ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước. |
| 3 | Chiếc lược ngà | Nguyễn Quang Sáng | 1966 | Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con: ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. |
| 4 | Bến quê | Nguyễn Minh Châu | Trong tập “Bến quê” (1985) | Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên giường bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống, của quê hương. |
| 5 | Những ngôi sao xa xôi | Lê Minh Khuê | 1971 | Cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên xung phong trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cốuc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ. |

**2. Nhận xét về hình ảnh đời sống và con người Việt nam được phản ánh trong các truyện (câu 2 và 3 trong SGK)**

- Có 5 truyện ngắn Việt Nam từ sau năm 1945 được học trong chương trình Ngữ Văn lớp 9, sắp xếp theo các thời kì lịch sử như sau:

***+ Thời kì kháng chiến chống Pháp:*** Làng ( Kim Lân)

***+ Thời kì kháng chiến chống Mĩ:*** Chiếc lược Ngà (Nguyễn Quang Sáng), Lặng lẽ SaPa (Nguyễn Thành Long), Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê).

***+ Từ sau năm 1975 :*** Bến Quê (Nguyễn Minh Châu)

Các tác phẩm trên đã phản ánh được một phần những nét tiêu biểu của đời sống xã hội và con người Việt Nam với tư tưởng và tình cảm của họ trong những thời kì lịch sử có nhiều biến cố lớn lao, từ sau Cách mạng tháng tám 1945, chủ yếu là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

- Hình ảnh con người Việt nam thuộc nhiều thế hệ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã được thể hiện sinh động qua một số nhân vật: ông Hai (Làng), người thanh niên (Lặng lẽ SaPa), ông Sáu và bé Thu (Chiếc lược ngà), ba cô gái thanh niên xung phong (Những ngôi sao xa xôi). Nét nổi bật về tính cách và phẩm chất ở mỗi nhân vật là:

***+ Ông Hai :*** tình yêu làng thật đặc biệt, nhưng phải đặt trong tình cảm yêu nước và tinh thần kháng chiến.

***+ Người thanh niên trong truyện “lặng lẽ SaPa”:*** yêu thích và hiểu ý nghĩa công việc thầm lặng; một mình trên núi cao, có những suy nghĩ và tình cảm tốt đẹp, trong sáng về công việc và đối với mọi người.

***+ Bé Thu (Chiếc lược ngà) :*** tính cách cứng cỏi, tình cảm nồng nàm, thắm thiết với người cha.

***+ Ông Sáu (Chiếc lược ngà):*** tình cha con sâu nặng, tha thiết trong hoàn cảnh éo le và xa cách của chiến tranh.

***+ Ba cô gái thanh niên xung phong (Những ngôi sao xa xôi):*** tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh khi làm nhiệm vụ hết sức nguy hiểm; tình cảm trong sáng, hồn nhiên, lạc quan trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt.

**3. Nêu cảm nghĩ về nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc (câu 4 trong SGK)**

Cho HS phát biểu tự do cảm nghĩ của mình. Nếu HS nào có được cảm nghĩ thực sự sâu sắc thì cần khuyến khích, biểu dương.

**4. Tìm hiểu một vài đặc điểm nghệ thuật của các truyện đã học (câu 5 trong SGK)**

***- Về phương thức trần thuật:*** chú ý những truyện sử dụng cách trần thuật ở ngôi thứ nhất (nhân vật xưng “tôi”). nhưng có những tác phẩm tuy không xuất hiện trực tiếp nhân vật kể chuyện xưng “tôi” mà truyện vẫn được trần thuật chủ yếu theo cái nhìn và giọng điệu của một nhân vật, thường là nhân vật chính.

+ Ở ngôi thứ nhất (nhân vật kể chuyện xưng “tôi”) có các truyện: Chiếc lược ngà, Những ngôi sao xa xôi.

+ Ở kiểu thứ hai có cốt truyện: Làng, Lặng lẽ SaPa, Bến quê.

+ Ở mỗi kiểu trên, GV chọn một vài trường hợp cụ thể để nêu lên tác dụng của phương thức trần thuật đó.

***- Về tình huống truyện:*** GV nhắc lại một cách sơ lược về tình huống truyện và yêu cầu HS nêu những tình huống đặc sắc trong các truyện đã học. Chú ý các tình huống trong các truyện: Làng, Chiếc lược ngà, Bến quê.